

Số: 525 /QĐ-UBND

Huế, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định 367/2025/ NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy

sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 770/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 17 thủ tục hành chính (TTHC); bao gồm 01 TTHC mới được ban hành, 11 TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế và 05 TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã. *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đồng bộ dữ liệu TTHC mới được công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC của thành phố Huế theo đúng quy định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, hoàn thành trước ngày 09/02/2026.

- Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo các nội dung đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế) công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Thay thế các TTHC đã được công bố có số thứ tự 3, 4, 5, 6, 8, 12, 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thay thế các TTHC đã được công bố có số thứ tự 1, 4, 10 Mục I ban hành kèm theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã;

- Thay thế TTHC đã được công bố có số thứ tự 4 tại Phần I Danh mục TTHC và Phần II nội dung cụ thể của TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2715 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Huế;

- Bãi bỏ các TTHC có số thứ tự 9, 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bãi bỏ các TTHC có số thứ tự 5, 6, 11, mục I ban hành kèm theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TTPVHCC thành phố, cấp xã;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số: 525/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết TTHC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							
1	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, uật số 43/2024/QH15, Luật số 46/2025/QH15; - Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết của TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)
- TTHC trên được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết TTHC
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ						
1	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH1; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường

2	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH1; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	1.004915	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;	Chi cục Thủy sản

			kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).	- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.	
4	1.004918	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	Chi cục Thủy sản

			- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
5	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	05 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000đồng/lần.	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15. - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn	Chi cục Thủy sản

						gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.	
6	1.004913	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucon.g.gov.vn)	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Chi cục Thủy sản
7	1.004692	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày	Chi cục Thủy sản

		thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
8	1.003741	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra thực tế. Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá. <i>Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể</i>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá: 12.450.000 đồng/lần (Theo quy định tại Thông tư số 94/2021/TT-BTC)	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề	Chi cục Thủy sản

			từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá; - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.	
9	1.004697	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện cơ sở; nếu đạt yêu cầu thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. Trường hợp cơ sở không đáp ứng đủ điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucon g.gov.vn)	không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	-Chi cục Thủy sản

			tính trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.				
--	--	--	---	--	--	--	--

10	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Chi cục Thủy sản
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ						
1	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét) ¹	05 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15. - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp

¹ **TTHC Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (1.004359)** (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét) có nội dung cụ thể của TTHC kèm theo (Phần II: Nội dung cụ thể của TTHC)

				- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản. - Quyết định số 67/2025/QĐ- UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều	thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã
--	--	--	--	---	--	---	--

						của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)	
--	--	--	--	--	--	---	--

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)
- TTHC trên được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ			
1	1.004678	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15	- Cơ quan thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
		giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)		- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004669	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15	- Cơ quan thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15	Chi cục Thủy sản
4	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018	Chi cục Thủy sản
5	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	Điều 42 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP Lí do: Gộp chung vào TTHC cấp Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	Chi cục Thủy sản

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (1.004359)
(Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)

1. Trình tự, thủ tục

a. Đối với trường hợp cấp Giấy phép khai thác thủy sản

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo *Mẫu số 04.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP* đến Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

- Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định của pháp luật, *trong thời hạn 05 ngày làm việc* kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp *Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 06.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP*. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng quy định của pháp luật, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân biết (nêu rõ nội dung chưa đáp ứng);

- *Thời hạn của Giấy phép khai thác thủy sản không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch kể từ ngày cấp.*

b. Đối với trường hợp cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản

- Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại *khoản 4 Điều 50 Luật Thủy sản*, tổ chức, cá nhân nộp Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo *Mẫu số 05.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP* đến Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

- Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định của pháp luật, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền *cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 06.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP*. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng quy định của pháp luật, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân biết (nêu rõ nội dung chưa đáp ứng);

- *Thời hạn của giấy phép cấp lại thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 50 Luật Thủy sản không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch kể từ ngày cấp hạn ngạch; thời hạn của giấy phép được cấp lại thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 50 Luật Thủy sản bằng thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp.*

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ

của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thủy sản bao gồm:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 04.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác thủy sản:

- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 05.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép khai thác thủy sản Mẫu số 06.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.

Thời hạn của Giấy phép khai thác thủy sản không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch kể từ ngày cấp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000đồng/lần.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 04.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.

- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 05.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản bằng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên được cấp Giấy phép khai thác thủy sản khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;

b) Trong hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản đối với khai thác thủy sản trên biển và không thuộc Danh mục nghề cấm khai thác;

c) Trường hợp cấp lại do giấy phép hết hạn phải đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP và tàu cá không thuộc danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15.

- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

Mẫu số 04.KT (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi: (*).....

Họ, tên chủ tàuĐiện thoại:

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp: ...

Nơi thường trú:

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tỉnh, thành phố cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung như sau:

- Số đăng ký tàu/Số Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá:.....
- Số Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá:
- Trang thiết bị thông tin liên lạc:
- Loại thiết bị, mã nhận dạng thiết bị giám sát hành trình tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên):.....
- Nghề khai thác chính:Nghề phụ:

Tôi/chúng tôi xin cam đoan thông tin trên là đúng sự thật; sử dụng tàu để đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản đúng nội dung theo Giấy phép, duy trì hoạt động liên tục của thiết bị giám sát hành trình tàu cá và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh;

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

Mẫu số 05.KT (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi: (*).....

Tên chủ tàu:.....Điện thoại:.....

Nơi thường trú:

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:

Tôi đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản số:...../20.../AA-GPKTTS;
cấp ngày. tháng năm; hết thời hạn ngày tháng năm

Đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản với lý do (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh sự thay đổi thông tin):

- ☐ Giấy phép bị mất.
- ☐ Giấy phép bị hư hỏng.
- ☐ Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân trong giấy phép; cảng cá đăng ký.
- ☐ Giấy phép hết hạn.

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tôi tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi/chúng tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật; tàu cá không thuộc danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố và sử dụng tàu hoạt động khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh;

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

Mẫu số 06.KT (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY PHÉP
KHAI THÁC THỦY SẢN

Số:/20.../AA^(*)-GPKTTS

Tên tàu (nếu có):

Số đăng ký:

Mặt trước của giấy phép

CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN
Số:...../20.../AA(*)-GPKTTS

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Tên chủ tàu:

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:

Điện thoại (nếu có):

Số đăng ký tàu cá:

Sản lượng được phép khai thác:tấn/năm (nếu có).

Được phép đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản(*):**

Nghề chính:.....Vùng hoạt động:... ..

Nghề phụ:.....Vùng hoạt động:.....

Thời hạn của Giấy phép đến hết ngày tháng năm

....., ngày tháng năm ...
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Là 2 chữ cái đầu của tên tỉnh, thành phố.

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

(***) Trường hợp cấp phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; trường hợp cấp phép cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung đánh bắt nguồn lợi thủy sản.